

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK SONG  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020

*“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Triệu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điều Nhót và bà Võ Thị Mơ

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông** tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số: 79/2020/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H.

Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn ĐA, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L (Theo văn bản ủy quyền ngày 28/11/2019) – có mặt.

Địa chỉ: Tổ 02, thị trấn ĐA, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T – vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Địa chỉ: Thôn 11, xã NB, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H, trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trong quá trình tố tụng:*

Ngày 12/02/2019, bà Phạm Thị T vay của bà Đinh Thị H số tiền 30.000.000 đồng, hạn trả là ngày 02/4/2019. Ngày 11/3/2019, bà T tiếp tục vay của bà H số

tiền 45.000.000 đồng, hạn ngày 11/5/2019 trả nợ. Các khoản tiền vay hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 02%/tháng. Đến hạn trả các khoản nợ nhưng bà T không thanh toán các khoản nợ và tiền lãi cho bà H nên bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 75.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền lãi tạm tính đến ngày khởi kiện.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính lãi các khoản nợ từ ngày vay đến ngày xét xử, ngày 30/9/2020 của các khoản vay, mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng), cụ thể:

Đối với khoản vay 30.000.000 đồng: Từ ngày vay 12/02/2019 đến ngày 30/9/2020 là 19 tháng 18 ngày  $\times 0,83\%/tháng \times 30.000.000$  đồng = 4.880.000 đồng.

Đối với khoản vay 45.000.000đ: Từ ngày vay 11/3/2019 đến ngày 30/9/2020 là 18 tháng 17 ngày  $\times 0,83\%/tháng \times 45.000.000$  đồng = 6.934.500 đồng.

Tổng cộng là 11.814.500 đồng tiền lãi.

- Theo lời khai của bị đơn, bà Phạm Thị T trong quá trình tố tụng: Bà T thừa nhận có vay của bà H hai lần số tiền nợ tổng cộng là 75.000.000 đồng, trong đó vay lần thứ nhất 30.000.000 đồng, trả góp trong 55 ngày, mỗi ngày 600.000 đồng bao gồm cả gốc và lãi, tổng cộng sẽ thành số tiền 33.000.000 đồng. Lần thứ hai vay 45.000.000 đồng, cũng thỏa thuận trả góp trong 55 ngày, mỗi ngày 900.000 đồng đã bao gồm cả lãi, khi trả xong sẽ thành 49.500.000 đồng. Khi vay khoản tiền sau bà T dùng để trả khoản nợ trước và hiện chỉ còn nợ lại bà H 37.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì khi trả khoản nợ trước và một phần khoản nợ sau đã bao gồm cả tiền lãi. Bà T không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời khai về việc trả nợ gốc và lãi của mình.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Song tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt đối với bà T.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 143, khoản 1 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 436, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đinh Thị H, buộc bà Phạm Thị T phải trả cho bà H số tiền gốc và lãi suất theo quy định.

Về án phí: Bà Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn bà Đinh Thị H khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị T phải trả số tiền vay các ngày 12/02/2019, 11/3/2019, phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Thời hạn trả nợ của các khoản vay lần lượt là ngày 02/4/2019 và 11/5/2019, ngày 28/11/2019 bà H làm đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Bị đơn bà Phạm Thị T có địa chỉ tại thôn 11, xã NB, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.4] Bà Đinh Thị H là nguyên đơn trong vụ án, nhưng bà H ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim L tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền là đúng theo quy định tại Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Bà Đinh Thị H yêu cầu bà Phạm Thị T phải trả số tiền gốc đã vay là 75.000.000 đồng theo các giấy viết tay ngày 12/02/2019 và 11/3/2019, đồng thời yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm đối với các khoản tiền vay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận có vay tiền của bà Đinh Thị H như bà H khởi kiện, có thỏa thuận về việc trả lãi, bà T đã trả được một phần nợ gốc và nợ lãi nên chỉ đồng ý trả số tiền nợ còn lại là 37.000.000 đồng, không chấp nhận trả lãi. Tuy nhiên, bà T không chứng minh được việc trả nợ, do đó bà T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được cho yêu cầu của mình.

Căn cứ Điều 463 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về hợp đồng vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Bà T có nghĩa vụ trả

tiền đã vay theo thỏa thuận nhưng bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Vì vậy, bà Đinh Thị H yêu cầu bà T phải trả số tiền đã vay là 75.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Do các bên cho vay có thỏa thuận về lãi suất nhưng có tranh chấp về lãi suất nên cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tính lãi đối với các khoản vay từ ngày vay đến ngày xét xử với lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) đối với các khoản vay, cụ thể:

Đối với khoản vay 30.000.000 đồng: Từ ngày vay 12/02/2019 đến ngày 30/9/2020 là 19 tháng 18 ngày  $\times 0,83\%/tháng \times 30.000.000$  đồng = 4.880.000 đồng.

Đối với khoản vay 45.000.000đ: Từ ngày vay 11/3/2019 đến ngày 30/9/2020 là 18 tháng 17 ngày  $\times 0,83\%/tháng \times 45.000.000$  đồng = 6.934.500 đồng.

Tổng cộng là 11.814.500 đồng.

Xét yêu cầu tính lãi của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà Đinh Thị H. Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho bà Đinh Thị H số tiền 86.814.500 đồng (Tám mươi sáu triệu tám trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng), trong đó 75.000.000 đồng tiền gốc và 11.814.500 đồng tiền lãi.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, bị đơn bà Phạm Thị T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 4.340.500 đồng. Trả lại cho bà Đinh Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.125.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, Điều 468 của của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Buộc bà Phạm Thị T phải trả cho bà Đinh Thị H số tiền 86.814.500 đồng (Tám mươi sáu triệu tám trăm mười bốn nghìn năm trăm đồng), trong đó 75.000.000 đồng tiền gốc và 11.814.500 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bà Đinh Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì bà Phạm Thị T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Phạm Thị T phải chịu 4.340.500 đồng (Bốn triệu ba trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Đinh Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.125.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002351, ngày 28/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

3. Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh ĐăkNông;
- VKSND huyện Đăk Song;
- Chi cục THADS huyện Đăk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Xuân Triệu**